

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên đại học, cao đẳng, liên thông hệ chính quy
theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Thủy lợi**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Căn cứ Quyết định số 1249/BNN-TCCB ngày 29/4/2009 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị & Quản lý sinh viên, Trường các Khoa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản “Hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học, cao đẳng, liên thông hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Thủy lợi”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2016 – 2017. Quyết định này thay thế Quyết định số 1342/QĐ-ĐHTL ngày 06/8/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủy lợi.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Công tác chính trị & Quản lý sinh viên, các Khoa, Trung tâm, Cơ sở 2, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT, CTCT&QLSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

GS.TS Trịnh Minh Thụ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG & LIÊN THÔNG HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1687/QĐ-ĐHTL ngày 18/8/2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng và liên thông hệ chính quy tại trường đại học Thủy lợi, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

3. Văn bản này áp dụng đối với sinh viên đại học, cao đẳng và liên thông hệ chính quy thuộc trường Đại học Thủy lợi.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại văn bản này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng chủ quyền làm chủ của người được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

4. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên trong suốt quá trình học tập tại Trường.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập;

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm, quy định cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đạt được
1	Chấp hành đầy đủ các quy định học tập trên giảng đường	2
2	Thành viên các câu lạc bộ hoặc tham gia thi Olympic các môn học và nghiên cứu khoa học. + Thành viên câu lạc bộ: 1 điểm + Cấp khoa: Đạt giải 2 điểm, tham gia 1 điểm + Cấp trường: Đạt giải 3 điểm, tham gia 2 điểm + Cấp trên trường: Đạt giải 5 điểm, tham gia 3 điểm	5
3	Chấp hành tốt nội quy về học tập - Bị CBCT lập biên bản khiển trách: trừ 1 điểm/lần - Bị CBCT lập biên bản cảnh cáo: trừ 2 điểm/lần - Bị CBCT lập biên bản đình chỉ thi: trừ 3 điểm/lần	3
4	Điểm học tập kỳ sau cao hơn kỳ trước hoặc xếp loại học tập từ khá trở lên	2
5	Kết quả học tập trong học kỳ, đạt: Học lực Giỏi, Xuất sắc: 8 điểm Học lực Khá: 5 điểm Học lực Trung bình & TBK: 3 điểm Học lực dưới Trung bình: 0 điểm	8

Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Trường;

b) Kết quả chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm, quy định cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đạt được
1	Chấp hành tốt các nội quy, quy chế và các quy định được thực hiện trong nhà trường Vi phạm: 0 điểm	5
2	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng Vắng không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/lần	10
3	Chấp hành tốt quy định về đóng học phí Đóng chậm học phí so với quy định: 0 điểm	5
4	Chấp hành đầy đủ các quy định khác của Nhà trường như thực hiện tốt quy định về nội, ngoại trú; nội quy thư viện, nếp sống văn hóa học đường... Vi phạm một trong các quy định: 0 điểm	5

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm, quy định cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đạt được
1	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: - Tham gia trực tiếp hoặc tham gia tổ chức: 6 điểm - Tham gia hỗ trợ, cổ vũ: 3 điểm - Không tham gia hoặc từ chối tham gia khi tổ chức phân công: 0 điểm	6
2	Tham gia công tác xã hội (hiến máu nhân đạo, ủng hộ người nghèo & thiên tai, tình nguyện hoặc các công tác xã hội khác) - Không tham gia hoặc từ chối tham gia công tác xã hội khi tổ chức phân công: 0 điểm - Trong học kỳ nếu công tác xã hội phân bổ chỉ tiêu theo từng lớp, nếu: + Lớp hoàn thành chỉ tiêu được giao thì SV trong lớp được đánh giá: 6 điểm + Nếu lớp không hoàn thành chỉ tiêu thì chỉ SV trực tiếp tham gia: 6 điểm	6
3	Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác	6
4	Là thành viên đội tuyển dự thi hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao từ cấp trường trở lên; Hoặc được Nhà trường khen thưởng hoặc đạt giải trong các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, thể thao	2

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
- c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm, quy định cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đạt được
1	Tham gia tuyên truyền và chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	10
2	Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng: - Cấp khoa: 3 điểm - Cấp trường: 4 điểm - Trên cấp trường: 5 điểm	5
3	Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn	10

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Trường;

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm (*Sinh viên đạt được nhiều tiêu chí thì tổng điểm không được vượt quá 10 điểm*), quy định cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đạt được
1	Sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đoàn, Hội và các tổ chức khác trong nhà trường (BCS lớp, BCH đoàn, BCH Hội SV, Thành viên Câu lạc bộ, Trưởng phòng ở Ký túc xá...): - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 điểm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 8 điểm - Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm	10
2	Sinh viên là thành viên tổ chức các chương trình; Cộng tác viên tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa, trường	10
3	Sinh viên tích cực trong công tác phát triển Đảng: - Đạt yêu cầu khi tham gia lớp Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng: 5 điểm - Được kết nạp Đảng hoặc được chuyển Đảng chính thức đúng hạn: 10 điểm	10
4	Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: - Đạt giải thưởng trong nghiên cứu khoa học, thi Olympic các cấp. - Đạt huy chương, giấy khen, giải thưởng các cấp về: văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; hoạt động vì cộng đồng...	10

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ

VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

Kết quả rèn luyện được phân thành các loại như sau:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- g) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên học bình thường:

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo:

- Các kỳ sinh viên học đồng thời hai chương trình: việc đánh giá rèn luyện do lớp sinh viên và khoa phụ trách chương trình thứ nhất thực hiện.

- Các kỳ sinh viên chỉ học các môn học chương trình thứ hai (sau khi đã tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất): việc đánh giá rèn luyện do lớp sinh viên và khoa phụ trách chương trình thứ hai thực hiện.

- Điểm rèn luyện toàn khóa học chương trình thứ hai: là trung bình chung của điểm rèn luyện các học kỳ trong toàn khóa học (gồm toàn bộ thời gian học chương trình thứ nhất và thời gian học chương trình thứ hai).

3. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện, sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

5. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định, đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

6. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường cũ khi học tại trường mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

7. Sinh viên không nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ thì học kỳ đó sẽ nhận điểm rèn luyện là 0 điểm (Không điểm) và xếp loại rèn luyện Kém.

Sinh viên có nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ nhưng không tham dự buổi họp đánh giá rèn luyện của lớp sẽ bị hạ một bậc so với kết quả đánh giá.

8. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

9. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

11. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

12. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện theo mức điểm chi tiết do trường quy định (**Mẫu M1**) và nộp cho Ban cán sự lớp.

- Sinh viên chưa được làm tốt nghiệp theo đúng khóa học, đang học trả nợ các môn học thì nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện cho Trợ lý khoa.

- Sinh viên đã tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ nhất, đang tiếp tục theo học chương trình đào tạo thứ hai thì nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện cho Ban cán sự lớp mà mình đang theo học chương trình thứ hai.

2. Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp: tiến hành xem xét và thông qua mức điểm rèn luyện của từng sinh viên trong lớp trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo (**Mẫu M2**)

3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa tổ chức họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên và trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường (*qua phòng Công tác chính trị & Quản lý sinh viên*) xem xét. (**Mẫu M3**)

4. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong toàn trường, trình Hiệu trưởng xem xét và công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết sau khi Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác sinh viên;
- Thường trực Hội đồng: Trưởng Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên;
- Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng có liên quan, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên cấp trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

a) Thành phần Hội đồng cấp Khoa, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa uỷ quyền;
- Thường trực Hội đồng: Trợ lý Trưởng khoa theo dõi công tác sinh viên;
- Các uỷ viên: Giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập các lớp, đại diện Liên chi Đoàn Thanh niên cấp khoa.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa: căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên, giúp Trưởng khoa đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 13. Cách đánh giá kết quả rèn luyện

1. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá quy định tại điều 4, điều 5, điều 6, điều 7 và điều 8; trong đó điểm thành phần và điểm tổng của các nội dung đánh giá được làm tròn đến 0,5 và không vượt quá điểm quy định.

2. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó. Nếu năm học sinh viên học chưa đủ một năm học (như sinh viên ngừng học, sinh viên năm cuối) thì kỳ sinh viên theo học được tính tròn thành 1 năm học.

3. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ sinh viên theo học trong toàn khoá học.

4. Điểm rèn luyện quy đổi được tính từng học kỳ theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DRLqđ_i = \frac{r_i}{100}$$

Trong đó:

- r_i là điểm rèn luyện của kỳ học thứ i
- $DRLqđ_i$ là điểm rèn luyện quy đổi của kỳ học thứ i

Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của từng sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ từng học kỳ và toàn khóa của từng sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Nhà trường (qua Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên). Khi nhận đơn khiếu nại, Nhà trường sẽ có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho sinh viên.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Ban Giám hiệu bằng văn bản (*qua Phòng Công tác chính trị & Quản lý sinh viên*) để được xem xét giải quyết.

- Các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp vào công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được khen thưởng theo quy định hiện hành. Nếu vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị Nhà trường xử lý kỷ luật./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

GS.TS Trịnh Minh Thụ



(Mẫu M1)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Học kỳ:..... Năm học 20..... - 20.....

Họ tên sinh viên:..... Mã số SV:.....

Lớp:..... Khoa:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
1	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP	20		
1.1	Chấp hành đầy đủ các quy định học tập trên giảng đường	2		
1.2	Thành viên câu lạc bộ hoặc tham gia thi Olympic các môn học, nghiên cứu khoa học. + Thành viên câu lạc bộ: 1 điểm + Cấp khoa: Đạt giải 2 điểm, tham gia 1 điểm + Cấp trường: Đạt giải 3 điểm, tham gia 2 điểm + Cấp trên trường: Đạt giải 5 điểm, tham gia 3 điểm	5		
1.3	Chấp hành tốt nội quy về học tập - Bị CBCT lập biên bản khiển trách: trừ 1 điểm/lần - Bị CBCT lập biên bản cảnh cáo: trừ 2 điểm/lần - Bị CBCT lập biên bản đình chỉ thi: trừ 3 điểm/lần	3		
1.4	Điểm học tập kỳ sau cao hơn kỳ trước hoặc xếp loại học tập từ khá trở lên	2		
1.5	Kết quả học tập trong học kỳ, đạt: Học lực Xuất sắc, Giỏi: 8 điểm Học lực Khá: 5 điểm Học lực Trung bình khá & Trung bình: 3 điểm Học lực dưới Trung bình: 0 điểm	8		
2	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG TRƯỜNG	25		
2.1	Chấp hành tốt các nội quy, quy chế và các quy định được thực hiện trong nhà trường Vi phạm: 0 điểm	5		
2.2	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng Vắng không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/lần	10		
2.3	Chấp hành tốt quy định về đóng học phí Đóng chậm học phí so với quy định: 0 điểm	5		
2.4	Chấp hành đầy đủ các quy định khác của Nhà trường như thực hiện tốt quy định về nội, ngoại trú; nội quy thư viện, nếp sống văn hóa học đường... Vi phạm một trong các quy định: 0 điểm	5		
3	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI	20		
3.1	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: - Tham gia trực tiếp hoặc tham gia tổ chức: 6 điểm - Tham gia hỗ trợ, cổ vũ: 3 điểm - Không tham gia hoặc từ chối tham gia khi tổ chức phân công: 0 điểm	6		
3.2	Tham gia công tác xã hội (hiến máu nhân đạo, ủng hộ người nghèo & thiên tai, tình nguyện hoặc các công tác xã hội khác) - Không tham gia hoặc từ chối tham gia công tác xã hội khi tổ chức phân công: 0 điểm - Trong học kỳ nếu công tác xã hội phân bổ chỉ tiêu theo từng lớp, nếu: + Lớp hoàn thành chỉ tiêu được giao thì SV trong lớp được đánh giá: 6 điểm + Nếu lớp không hoàn thành chỉ tiêu thì chỉ SV trực tiếp tham gia: 6 điểm	6		
3.3	Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác	6		
3.4	Là thành viên đội tuyển dự thi hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao từ cấp trường trở lên; Hoặc được Nhà trường khen thưởng hoặc đạt giải trong các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, thể thao	2		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	
			SV	LỚP
4	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG	25		
4.1	Tham gia tuyên truyền và chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	10		
4.2	Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng: - Cấp khoa: 3 điểm - Cấp trường: 4 điểm - Trên cấp trường: 5 điểm	5		
4.3	Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn	10		
5	ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ KHI THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN <i>(Sinh viên đạt được nhiều tiêu chí thì tổng điểm không được vượt quá 10 điểm)</i>	10		
5.1	Sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đoàn, Hội và các tổ chức khác trong nhà trường (BCS lớp, BCH đoàn, BCH Hội SV, Thành viên Câu lạc bộ, Trưởng phòng ở Ký túc xá...): - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 điểm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 8 điểm - Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm	10		
5.2	Sinh viên là thành viên tổ chức các chương trình; Cộng tác viên tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa, trường	10		
5.3	Sinh viên tích cực trong công tác phát triển Đảng: - Đạt yêu cầu khi tham gia lớp Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng: 5 điểm - Được kết nạp Đảng hoặc được chuyển Đảng chính thức đúng hạn: 10 điểm	10		
5.4	Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: - Đạt giải thưởng trong nghiên cứu khoa học, thi Olympic các cấp. - Đạt huy chương, giấy khen, giải thưởng các cấp về: văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; hoạt động vì cộng đồng...	10		
	TỔNG CỘNG	100		

Ghi chú: SV tự đánh giá, nộp cho Lớp trưởng (riêng SV chưa được làm TN đúng khóa, đang trả nợ môn học, nộp cho Trợ lý khoa). Nếu SV không nộp phiếu này, sẽ nhận kết quả rèn luyện là 0 điểm và xếp loại rèn luyện Kém. SV không dự buổi họp đánh giá sẽ bị hạ một bậc rèn luyện.

XÁC NHẬN
CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

XÁC NHẬN
CỦA BAN CÁN SỰ LỚP

....., ngày.....tháng..... năm.....

Sinh viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN HỌP LỚP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ: - Năm học 20..... - 20.....

Thời gian họp: Địa điểm họp:

Lớp:..... tổ chức họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

I. Thành phần tham dự:

1. **Chủ tọa:** - Giáo viên chủ nhiệm:.....

- Lớp trưởng:.....

- Bí thư chi đoàn:.....

2. **Thư ký:** - Sinh viên:.....

3. **Toàn thể sinh viên lớp:** Tổng số:.....; Vắng:.....

II. Nội dung buổi đánh giá:

1. **Số sinh viên nộp phiếu đánh giá rèn luyện:**.....

Số sinh viên không nộp phiếu đánh giá rèn luyện:....., gồm những sinh viên có tên sau:

TT	Họ tên	TT	Họ tên
1		6	
2		7	
3		8	
...		...	

2. **Sinh viên không tham gia buổi họp đánh giá rèn luyện, hạ bậc xếp loại:**

STT	Mã số SV	Họ tên sinh viên	Xếp loại	Hạ một bậc
1				
2				
...				

3. **Kết quả phân loại rèn luyện của toàn thể sinh viên trong lớp:**

TT	Mã số SV	Họ tên sinh viên	Điểm rèn luyện		
			Tổng điểm	Quy đổi	Xếp loại
1					
2					
3					
...					

4. Tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp:

TT	Xếp loại	Khung điểm	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Xuất sắc	Từ 90 đến 100 điểm		
2	Tốt	Từ 80 đến dưới 90 điểm		
3	Khá	Từ 65 đến dưới 80 điểm		
4	Trung bình	Từ 50 đến dưới 65 điểm		
5	Yếu	Từ 35 đến dưới 50 điểm		
6	Kém	Dưới 35 điểm		

5. Đề xuất, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc..... ngàytháng.....năm.....

Xác nhận của GVCN

Thư ký

Chủ tọa

Ghi chú: Biên bản này lưu tại Văn phòng Khoa.

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ: - Năm học 20..... - 20.....

Thời gian họp: Địa điểm họp:

Khoa:..... tổ chức họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên trong khoa.

I. Thành phần tham dự:

1. Chủ tọa: - Chủ tịch Hội đồng khoa :.....

- Trợ lý khoa:.....

2. Thư ký: - Sinh viên:.....

3. Giáo viên chủ nhiệm và Ban cán sự các lớp trong khoa

II. Nội dung buổi đánh giá:

1. Tình hình nộp phiếu đánh giá rèn luyện:

TT	Lớp	Số SV nộp phiếu	Số SV không nộp phiếu
1			
2			
...			
	Tổng cộng		

2. Kết quả phân loại rèn luyện:

TT	Lớp	Tổng số SV	Số SV xếp loại rèn luyện						
			XS	Tốt	Khá	TB khá	TB	Yếu	Kém
1									
2									
...									
	Tổng cộng								

3. Đề xuất, kiến nghị:

.....
.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc..... ngày tháng năm

Thư ký

Chủ tịch Hội đồng khoa

(Ký & ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản nộp cho Hội đồng đánh giá cấp trường (qua phòng CTCT & Quản lý sinh viên) và 01 bản lưu tại Văn phòng Khoa.